

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 57/2023/DSST

Ngày: 18-8-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Phan Thị Oanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hữu– Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2016/TLST-DS ngày 21/11/2016 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST-DS ngày 01/8/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 ..., phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Bà Trần Thị Duy M, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (chết năm 2019); Địa chỉ: Đội .., thôn ..., xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

* *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H gồm:*

- Bà Trần Thị G, sinh năm 1933; Vắng mặt.
- Bà Trần Duy M, sinh năm 1975; Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1999; Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn Huy H, sinh năm 2006; Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Đội .., thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2013, các tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày được tóm tắt như sau:

Ngày 10/5/2012 giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và bị đơn bà Trần Thị Duy M và ông Nguyễn Văn H có ký kết Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 10/5/2012, theo đó bà S có bán cho bà M và ông H 01 chiếc xe gắn máy hiệu Suvina, số máy 000124, số khung 000124, còn nợ lại số tiền 9.125.000 đồng, cam

kết trả góp mỗi tháng 913.000 đồng, thời hạn góp 10 tháng. Từ ngày 10/5/2012 cho đến nay bị đơn bà M, ông H chưa trả khoản tiền nào nên nguyên đơn bà S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà M, ông H phải trả số tiền nợ gốc 9.125.00 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày 10/5/2012 cho đến khi trả nợ xong. Ông H chết nên nguyên đơn bà S yêu cầu những người thừa kế của ông H cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Bị đơn bà M vắng mặt nên không có lời trình bày.

Bị đơn ông H chết năm 2019, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm bà Trần Thị G, bà Trần Duy M, anh Nguyễn Huy H, anh Nguyễn Văn Huy H vắng mặt nên không có lời trình bày..

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông H đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng qui định. Nguyên đơn chấp hành các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 428, 438, 305 Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà M phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 9.125.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng tính từ ngày 10/5/2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp bị đơn bà M không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H (chết) gồm bà Trần Thị G, bà Trần Duy M, anh Nguyễn Huy H, anh Nguyễn Văn Huy H phải có trách nhiệm trả hết số nợ hoặc số nợ còn lại thay cho bà Trần Thị Duy M trong phạm vi di sản do ông H chết để lại. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Duy M và ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên nhưng tại Điều 2 của Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 10/5/2012 các bên có thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thành phố T để giải quyết tranh chấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Trần Thị Duy M, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn H bao gồm bà Trần Thị G, bà Trần Duy M, anh Nguyễn Huy H, anh Nguyễn Văn Huy H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về luật áp dụng: Thời điểm các bên ký kết hợp đồng dân sự vào năm 2012, thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Duy M và những người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn H (chết) phải trả cho nguyên đơn bà S số tiền nợ gốc mua xe là 9.125.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.125%/tháng tính từ ngày 10/5/2012 cho đến khi trả nợ xong và yêu cầu trả 01 lần. Tài liệu, chứng cứ bà S gửi kèm theo đơn khởi kiện là bản gốc Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 10/5/2012 có nội dung bà Trần Thị Duy M mua xe gắn máy hiệu Suvina, số máy 000124, số khung 000124 của bà Hồ Thị Thanh S, tính đến ngày 10/5/2012 còn nợ lại tổng số tiền 9.125.000 đồng. Người ký bảo lãnh là ông Nguyễn Văn H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn bà S và bị đơn bà M, ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng M về quyền sở hữu đối với xe gắn máy nêu trên nhưng nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp.

[4.2] Tòa án đã nhiều lần yêu cầu Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Yên, Đội Cảnh sát giao thông Công an thị xã Đ và Đội cảnh sát giao thông Công an Thành phố T, tỉnh Phú Yên (bút lục 22, 68) về việc cung cấp thông tin chủ xe gắn máy hiệu Suvina, số máy 000124, số khung 000124. Tại các Công văn số 484/CSGT ngày 28/5/2019 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Phú Yên (bút lục 27), Công văn số 575/CATP-CSGTTT ngày 28/3/2023 của Công an thành phố T – Công an tỉnh Phú Yên (bút lục 70) và tại Phiếu trả lời xác M phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an thị xã Đ – Công an tỉnh Phú Yên (bút lục 71) đều thể hiện do thông tin xe ghi trong Hợp đồng không đầy đủ nên không thể cung cấp được thông tin chủ sở hữu chiếc xe nêu trên.

Tuy nhiên theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 10/5/2012 có nội dung bà Trần Thị Duy M mua xe gắn máy hiệu Suvina, số máy 000124, số khung 000124 của bà Hồ Thị Thanh S, tính đến ngày 10/5/2012 còn nợ lại tổng số tiền 9.125.000 đồng và có ký xác nhận giữa các bên bao gồm bên bán xe là bà S, bên mua xe là bà M, người bảo lãnh là ông H nên xác định có việc mua bán chiếc xe nói trên. Theo nguyên đơn trình bày từ đó cho đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn được khoản nào. Bị đơn bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng M cho việc trả nợ tiền

cho bà S. Như vậy, bị đơn không trả tiền nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ 9.125.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn: Theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 10/5/2023, các bên thỏa thuận lãi suất chậm trả bằng 2,5%/tháng. Như vậy, thỏa thuận về lãi suất của các bên vượt quá quy định pháp luật nên được điều chỉnh lại mức lãi suất chậm trả tiền bằng 150% của mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm). Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng trên số tiền chậm trả kể từ ngày chậm trả cho đến khi trả xong nợ là phù hợp nên chấp nhận. Tiền lãi chậm trả từ ngày 10/5/2012 đến ngày 18/8/2023 là 11 năm 03 tháng 08 ngày x 9.125.000 đồng x 1.125%/tháng = 13.885.968 đồng.

Như vậy, tổng cộng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 18/8/2023 bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 9.125.000 đồng + 13.885.968 đồng = 23.010.968 đồng.

[6] Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu đối với xe hiệu Suvina, số máy 000124, số khung 000124 thì nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn. Lệ phí chuyển quyền sở hữu (sang tên và tiền thuế trước bạ lần 02 do bị đơn chịu).

[7] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm cùng bà Trần Thị Duy M trả số nợ mua xe: Xét thấy tại Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 10/5/2023, ông Nguyễn Văn H ký tên tại mục người bảo lãnh nên đã phát sinh nghĩa vụ của người bảo lãnh. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh ông H thực hiện nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, tại trích lục khai tử (bút lục 81) và công văn số 460/UBND ngày 12/6/2023 (bút lục 82), UBND xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên cung cấp thông tin ông Nguyễn Văn H chết vào năm 2019, hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm bà Trần Thị G, bà Trần Duy M, anh Nguyễn Huy H, anh Nguyễn Văn Huy H hiện đang cư trú tại thôn Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên. Do ông H chết nên cần buộc những người thừa kế của ông H là bà Gương, bà M, anh Hữu, anh Hoàng phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà S trong phạm vi di sản do ông H chết để lại.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, 227, 228, 238 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 476 và 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng Điều 372 và Khoản 1, Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Trần Thị Duy M phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tổng cộng số tiền 23.010.968 đồng (*hai mươi ba triệu không trăm mười nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng*) trong đó tiền gốc 9.125.000 đồng (*chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), tiền lãi 13.885.968 đồng (*mười ba triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bị đơn bà Trần Thị Duy M không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn H (chết) gồm bà Trần Thị G, bà Trần Duy M, anh Nguyễn Huy H, anh Nguyễn Văn Huy H phải có trách nhiệm trả hết số nợ hoặc số nợ còn lại thay cho bà Trần Thị Duy M trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn H chết để lại.

Sau khi bị đơn bà Trần Thị Duy M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu đối với xe gắn máy hiệu Suvina, số máy 000124, số khung 000124 theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 10/5/2012 đã mà các bên đã ký kết thì nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe nêu trên cho bà Trần Thị Duy M. Lệ phí chuyển quyền sở hữu (sang tên và tiền thuế trước bạ lần 02 do bị đơn bà Trần Thị Duy M chịu).

Về án phí : Bị đơn bà Trần Thị Duy M phải chịu 1.151.000 đồng (*một triệu một trăm năm mươi mốt đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền tạm ứng án phí 228.000 đồng (*hai trăm hai mươi tám nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004375 ngày 18/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang